

令和 2 年 8 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯 浅 敏 晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	10.1 t	8.08	6.0 cm	25.8 °C	
放流量	10.6 t	8.00	50.0 cm	25.8 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	282 KWH	2,915 KWH	6.76 t	
日平均使用量	9.1 KWH	94.0 KWH	0.22 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	6台: 2.13t	24台: 36.29t	34台: 21.40t	16台: 48.80t	1台: 2.33t	
前月累計	27台: 16.33t	148台: 217.26t	184台: 111.32t	40台: 115.45t	5台: 10.85t	
年度計	33台: 18.46t	172台: 253.55t	218台: 132.72t	56台: 164.25t	6台: 13.18t	

小 計	
月計	81台: 110.95 t
前月累計	404台: 471.21 t
年度計	485台: 582.16 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	0.22 t	81台: 111.17 t
前月累計	1.00 t	404台: 472.21 t
年度計	1.22 t	485台: 583.38 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	17台	277 m ³
前月累計	111台	1,178 m ³
年度計	128台	1,456 m ³

項目	日
搬入日数	17
日平均搬入数量	6.53 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	116.83 t	99台
5	128.30 t	116台
6	119.77 t	103台
7	107.31 t	86台
8	111.17 t	81台
9	t	台
10	t	台
11	t	台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	583.38 t	485台

薬品名	使用量
スケール分散剤	20.00 kg
凝集剤 パック	50.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.40 kg
固形塩素剤	kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	19.70 kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	2.50 m ³
脱水ケーキ量	0.22 t
脱水機運転時間	4:00 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1		°C	°C	°C
2		°C	°C	°C
3	晴	25 °C	28 °C	17 °C
4	曇	26 °C	28 °C	20 °C
5	曇	27 °C	30 °C	22 °C
6	曇/雨	26 °C	27 °C	21 °C
7	曇	21 °C	24 °C	21 °C
8		°C	°C	°C
9		°C	°C	°C
10		°C	°C	°C
11	曇/晴	27 °C	30 °C	16 °C
12	晴	27 °C	31 °C	21 °C
13	晴	25 °C	26 °C	20 °C
14	曇	22 °C	25 °C	16 °C
15		°C	°C	°C
16		°C	°C	°C
17	晴	26 °C	29 °C	21 °C
18	晴	22 °C	29 °C	17 °C
19	晴	21 °C	30 °C	19 °C
20	曇	21 °C	23 °C	21 °C
21	晴	20 °C	25 °C	18 °C
22		°C	°C	°C
23		°C	°C	°C
24	晴	19 °C	27 °C	14 °C
25	晴	23 °C	28 °C	19 °C
26	晴	22 °C	30 °C	20 °C
27	晴	25 °C	30 °C	20 °C
28	晴	27 °C	31 °C	21 °C
29		°C	°C	°C
30		°C	°C	°C
31	曇/晴	17 °C	23 °C	13 °C